

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 157/2023/HS-PT
Ngày: 21 tháng 12 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tấn Tài

Các Thẩm phán: Ông Thái Văn Chấn và ông Nguyễn Phước Hưng.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Huỳnh Ngọc Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 22/2023/TLPT-HS ngày 20 tháng 11 năm 2023 đối với các bị cáo Đoàn Minh H, Trương Hồng P, Lê Thiện T. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án số 129/2023/HS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Đoàn Minh H, sinh ngày 05 tháng 01 năm 2006 tại thành phố L, tỉnh An Giang; nơi thường trú: Số A, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; Chỗ ở: Số I, khóm M, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn: Không; con ông Đoàn Minh C và bà Lê Thị Hồng N; Vợ con; chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Đoàn Minh H: Ông Đoàn Minh T, sinh năm 1981 và bà Lê Thị Hồng N, sinh năm 1985. Địa chỉ: Số A, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (là bố mẹ của bị cáo H, có mặt ông T, vắng mặt bà N)

Người bào chữa cho bị cáo Đoàn Minh H: Ông Hà Quang V - Trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh A. Địa chỉ: Số H, đường L, Phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (có mặt)

2. Trương Hồng P, sinh ngày 23 tháng 5 năm 2006 tại thành phố L, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Số A, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: thợ sửa xe mô tô; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính:

Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn: Không; con ông Trương Hồng P1 và bà Đặng Thị Mỹ H1; vợ con : chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo P: Ông Trương Hồng P1, sinh năm 1983 và bà Đặng Thị Mỹ H1, sinh năm 1987. Địa chỉ: Số A, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (là bố mẹ của bị cáo P, có mặt ông P1)

Người bào chữa cho bị cáo Trương Hồng P:

Ông Hà Quang V - Trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh A. Địa chỉ: Số H, đường L, Phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (có mặt).

Luật sư Nguyễn Phú H2 - Công ty L2 thuộc Đoàn Luật sư thành phố H. Địa chỉ: Số I, đường T, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang (vắng mặt).

3. Lê Thiện Trí Thức, sinh ngày 20 tháng 12 năm 2006 tại thành phố L, tỉnh An Giang; nơi cư trú: số H, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Thợ hớt tóc; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn: Không; con ông Lê Võ Phương T1, và bà Phùng Thị N1; vợ con : chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo T2: Ông Lê Võ Phương T1, sinh năm 1974 và bà Phùng Thị N1, sinh năm 1976. Địa chỉ: Số H, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (là bố mẹ của bị cáo T2, có mặt ông T1).

Người bào chữa cho bị cáo T2: Bà Phạm Thanh Ái D – Trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh A. Địa chỉ: Số H, đường L, Phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (có mặt)

Các bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị được Tòa án triệu tập:

1. Lê Văn P2, sinh ngày 01 tháng 02 năm 2006 tại thành phố L, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Số A, khóm D, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn: không; con ông Lê Văn H3 và bà Lê Thị Bích V1; vợ con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 15 tháng 9 năm 2022, bị Tòa án nhân dân thành phố L xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng. Ngày 02 tháng 06 năm 2023 bị Tòa án nhân dân thành phố L xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt với bản án trên là 01 năm 06 tháng tù; bị cáo bị tạm giam trong vụ án khác từ ngày 18 tháng 3 năm 2023 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố L. (có mặt)

Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Lê Văn P2: Ông Lê Văn H3 và Bà Lê Thị Bích V1, sinh năm 1976. Địa chỉ: Số A, khóm D, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (là bố mẹ của bị cáo P2, vắng mặt)

Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn P2: Bà Văng Thị V2 – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh A. Địa chỉ: Số H, đường L, Phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (vắng mặt).

2. Lý Hồng P3, sinh ngày 29 tháng 01 năm 2006 tại thành phố L, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Số F, khóm D, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn: Không; con ông Lý Hồng V3 (đã chết) và bà Trần Thị L (đã chết); vợ con : chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lý Hồng P3: Ông Trần Văn B; địa chỉ: Số F, khóm D, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

Người bào chữa cho bị cáo Lý Hồng P3: Bà Văng Thị V2 – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh A. Địa chỉ: Số H, đường L, Phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (vắng mặt).

3. Huỳnh Thanh N2, sinh ngày 23 tháng 12 năm 2006 tại thành phố L, tỉnh An Giang; nơi cư trú: số B, khóm F, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn: Không; con ông Huỳnh Văn H4 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Phương D1; vợ con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo N2: Bà Nguyễn Thị Phương D1, sinh năm 1984. Địa chỉ: Khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang. (là mẹ của bị cáo N2, vắng mặt)

Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Thanh N2: Bà Văng Thị V2 – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh A. Địa chỉ: Số H, đường L, Phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (vắng mặt).

(Trong vụ án còn có những người tham gia tố tụng khác, nhưng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do đã có mâu thuẫn từ trước, khoảng 15 giờ ngày 17 tháng 3 năm 2023, Lê Văn P2 nhắn tin rủ Lê Tấn T3, Huỳnh Thanh N2 (sinh ngày 23 tháng 12 năm 2006), Lý Hồng P3 (sinh ngày 29 tháng 01 năm 2006), Trương Hoàng P4 (sinh ngày 20 tháng 5 năm 2009), La Thái T4 (sinh ngày 24 tháng 5 năm 2007), Lê Nguyễn Minh T5, (sinh ngày 19 tháng 5 năm 2009), Phạm Quốc N3 (sinh ngày 07 tháng 5 năm 2007), Nguyễn T6 (chưa rõ nhân thân) đi tìm đánh nhóm của Huỳnh Nam K ở thị trấn P, huyện T thì tất cả đồng ý. T3 điện thoại rủ thêm Nguyễn Trung H5 (sinh ngày 10 tháng 7 năm 2007), V4, Gà C1 và 02 đối tượng chưa rõ nhân thân cùng đi đánh nhau. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, nhóm của P4 tập trung tại khu dân cư T, phường M, thành phố L. Tại đây, Văn P2, N3, T5

mỗi người cầm 01 con dao bằng kim loại dài từ 60cm đến 80cm do P2 và T3 chuẩn bị. Sau đó, cả nhóm đi đến khu vực tổ A, khóm Đ, phường M thì gặp Nguyễn Trường D2 nên T3 rủ D2 cùng đi đánh nhóm của K thì D2 đồng ý. Trên đường đi, nhóm bị cáo gặp anh Nguyễn Thành T7 (công tác tại Công an phường M) điều khiển xe mô tô biển số 67P1-0433 chạy phía sau, đang nghe điện thoại (hiệu Nokia TA1030), các bị cáo nghĩ anh T7 đang ghi hình nên D2 kêu cả nhóm chặn anh T7 lại chém. Nghe vậy, P2, T3 chặn xe của anh T7 nên anh T7 xuống xe chạy vào nhà anh Viên Thanh B1 ở tổ A, khóm Đ, phường M. Cùng lúc, T3 lấy con dao của Minh T5, P2 cầm dao xông vào nhà anh B1 chém nhiều cái vào lưng của anh T7 gây thương tích. P2 kêu anh T7 đưa điện thoại đã quay phim cho P2. P2 cầm điện thoại này đập xuống nền gạch lát vỉa hè làm hư hỏng điện thoại.

Sau đó, nhóm của Văn P2 đến khu vực trước Nhà Thiếu nhi A ở khóm P, phường M, thành phố L thì gặp Trương Hồng P (sinh ngày 23 tháng 5 năm 2006), Lê Thiện T (sinh ngày 20 tháng 12 năm 2006), Đoàn Minh H (sinh ngày 05 tháng 01 năm 2006), Hà Phúc L1 (sinh ngày 05 tháng 9 năm 2007) nên T3 rủ Trương Hồng P, T2, L1, H cùng đi đánh nhau với nhóm của K thì tất cả đồng ý và mỗi người cầm theo 01 con dao bằng kim loại dài khoảng 60cm. T2 điều khiển xe mô tô không rõ biển số chở H; L1 điều khiển xe mô tô không rõ biển số chở Trương Hồng P đi cùng với nhóm của Văn P2 đến thị trấn P, huyện T, tỉnh An Giang tìm nhóm của K nhưng không gặp nên quay về. Khi đến khu vực tổ A, ấp B, xã M, thành phố L nhóm của Văn P2 thấy Nguyễn Thành T8 điều khiển xe mô tô biển số 67AM-049.27 chở Nguyễn Bảo T9 chạy cùng chiều, nghĩ là người trong nhóm của K nên chặn xe lại. Thành Tài, T9 hoảng sợ xuống xe bỏ chạy thì Văn P2, N3, Lý Hồng P3 cầm dao đuổi chém nhưng không kịp; còn T5, L1, T2, Tân T3, Trương Hồng P cầm dao chém vào đàn áo, đầu đèn xe mô tô của T9 gây náo loạn khu vực. Sau đó, nhóm của Văn P2 điều khiển xe về đến khu dân cư S, khóm B, phường B, thành phố L thì bị tổ tuần tra Công an thành phố L phát hiện bắt giữ được Hoàng P4, T4 những người còn lại bỏ chạy.

Căn cứ kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 214/23/KLTTCT-TTPY ngày 23 tháng 3 năm 2023 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh A đối với anh Nguyễn Thành T7, sinh năm 1983. Kết luận: *Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 14%, thương tích do vật sắc gây nên.*

Căn cứ kết luận về việc xác định giá trị tài sản số 189 ngày 18 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố L xác định: 01 màn hình Nokia TA-1030 hư hỏng, thiệt hại 150.000 đồng. Bị hại T7 không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Căn cứ kết luận về việc xác định giá trị tài sản số 190 ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố L, xác định xe mô tô biển số 67AM-049.27 bị hư hỏng: 01 bộ áo xe, thiệt hại 455.000 đồng; 01 bộ vỏ ruột trước sau M, thiệt hại 365.000 đồng; 01 vỏ yên xe, thiệt hại 84.000 đồng;

01 mặt đồng hồ mê ca km, thiệt hại 38.500 đồng; 01 kính chiều hậu hư hỏng, thiệt hại 28.000 đồng; Tổng trị giá tài sản bị thiệt hại là: 970.500 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 129/2023/HSST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang, đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn P2 phạm tội “Cố ý gây thương tích” và “Gây rối trật tự công cộng”; các bị cáo Trương Hồng P, Đoàn Minh H, Huỳnh Thanh N2, Lý Hồng P3, L Trí Thức phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

[1]. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b khoản 2 Điều 318; điểm d, o khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 55; Điều 58; Điều 90; khoản 1, khoản 6 Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Lê Văn P2 03 (ba) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 03 (ba) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Hình phạt chung buộc bị cáo phải chấp hành là: 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày: 18/3/2023.

[2]. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm d khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 90; khoản 1, khoản 6 Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Đoàn Minh H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

[3]. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm d khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 90; khoản 1, khoản 6 Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Huỳnh Thanh N2 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

[4]. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm d khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 90; khoản 1, khoản 6 Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Lý Hồng P3 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

[5]. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm d khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 90; khoản 1, khoản 6 Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Lê T10 Trí Thức 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

[6]. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm d khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 90; khoản 1, khoản 6 Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trương Hồng P 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 02 tháng 10 năm 2023 các bị cáo Đoàn Minh H, Trương Hồng P, Lê T10 Trí Thức làm đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Đoàn Minh H, Trương Hồng P, L Trí Thức vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận như đã khai tại Cơ quan điều tra, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu và có quan điểm: Hành vi phạm tội của các bị cáo Đoàn Minh H, Trương Hồng P, L Trí Thức đã đủ yếu tố cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, xét toàn diện vụ án nhận thấy, khi phạm tội các bị cáo Đoàn Minh H, Trương Hồng P, Lê Thiện T chưa đủ 18 tuổi, áp dụng tinh thần Nghị quyết số 01 ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, mức hình phạt của các bị cáo là không quá $\frac{3}{4}$ mức hình phạt đối với người từ đủ 18 tuổi. Trong vụ án này, vai trò của 03 bị cáo tương đồng với vai trò bị cáo Nguyễn Trường D2, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo D2 02 năm 09 tháng tù, do đó mức hình phạt của các bị cáo này không quá 02 năm, nhưng lại tuyên phạt: 02 năm 06 tháng tù đối với Đoàn Minh H; 02 năm tù đối với Trương Hồng P; 02 năm 06 tháng tù đối với Lê T10 Trí Thức là có phần nghiêm khắc. Do đó, có thể xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo Đoàn Minh H, Trương Hồng P, Lê Thiện T. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình. Chấp nhận một phần kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 (áp dụng thêm điểm b đối với bị cáo Trương Hồng P); điểm d khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Bị cáo Trương Hồng phạt từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

- Bị cáo Đoàn Minh H, Lê T10 Trí thức từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Các phần quyết định của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, thì có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo các bị cáo Đoàn Minh H, Trương Hồng P, L Trí Thức làm trong thời hạn luật định, đơn hợp lệ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận để xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Đối với các bị cáo Lê Văn P2, Lý Hồng P3, Huỳnh Thanh N2, mặc dù không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nhưng Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết xem xét lại phần quyết định về hình phạt của bản án để đảm bảo sự công bằng, bình đẳng trong vụ án có đồng phạm.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về nội dung: Quá trình xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa, các bị cáo Lê Văn P2, Lý Hồng P3, Huỳnh Thanh N2, Đoàn Minh H, Trương Hồng P, Lê Thiện Trí T11 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã tóm tắt nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan, đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Do đã có mâu thuẫn từ trước với nhóm của Huỳnh Nam K, khoảng 15 giờ ngày 17 tháng 3 năm 2023, Lê Văn P2 nhắn tin rủ Lê Tấn T3, Huỳnh Thanh N2 (sinh ngày 23 tháng 12 năm 2006), Lý Hồng P3 (sinh ngày 29 tháng 01 năm 2006), Trương Hoàng P4 (sinh ngày 20 tháng 5 năm 2009), La Thái T4 (sinh ngày 24 tháng 5 năm 2007), Lê Nguyễn Minh T5, (sinh ngày 19 tháng 5 năm 2009), Phạm Quốc N3 (sinh ngày 07 tháng 5 năm 2007), Nguyễn T6 (chưa rõ nhân thân) đi tìm đánh nhóm của Huỳnh Nam K. Sau đó, cả nhóm đến khu vực tổ A, khóm Đ, phường M thì gặp Nguyễn Trường D2 nên T3 rủ D2 cùng đi đánh nhóm của K thì D2 đồng ý. Trên đường đi, nhóm bị cáo gặp anh Nguyễn Thành T7 (công tác tại Công an phường M) điều khiển xe mô tô chạy phía sau, đang nghe điện thoại (hiệu Nokia TA1030), nghĩ anh T7 đang ghi hình nên D2 kêu cả nhóm chặn anh T7 lại chém. P4, T3 chặn xe của anh T7 nên anh T7 xuống xe chạy vào nhà anh Viên Thanh B1, T3 lấy con dao của Minh T5, P4 cầm dao xông vào nhà anh B1 chém nhiều cái vào lưng của anh T7 gây thương tích với tỷ lệ 14%.

Sau khi nhóm của P4 gây thương tích cho anh Nguyễn Thành T7, rồi đi đến khu vực trước Nhà T gặp Trương Hồng P, Lê Thiện T, Đoàn Minh H, nên T3 rủ H, P, T11 cùng đi theo nhóm để đánh nhau với K thì tất cả đồng ý và mỗi người cầm theo 01 con dao bằng kim loại dài khoảng 60cm. Khi đến khu vực ấp B, xã M, thành phố L cả nhóm thấy Nguyễn Thành T8 điều khiển xe mô tô chở Nguyễn Bảo T9 chạy cùng chiều, nghĩ T8 và T9 là người trong nhóm của K1 nên chặn xe lại. T8, T9 hoảng sợ bỏ chạy, thì Văn P2, N3, Lý Hồng P3, cầm dao

đuôi chém nhưng không kịp; còn T5, L1, T11, Tấn T3, Trương Hồng P cầm dao đập phá xe mô tô của T9, gây náo loạn khu vực. Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo: Lê Văn P2 về tội “Cố ý gây thương tích” và tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b khoản 2 Điều 318; Trương Hồng Phát, Lê Thiện T, Đoàn Minh H, Huỳnh Thanh N2, Lý Hồng P3 về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Đối với yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo của các bị cáo Trương Hồng P, Lê Thiện T, Đoàn Minh H, Hội đồng xét xử xét thấy :

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự công cộng, gây ảnh hưởng đến lớn đến hoạt động bình thường của mọi người ở những nơi công cộng. Riêng đối với bị cáo P2 còn gây tổn hại cho sức khỏe của người khác xâm phạm quyền được bảo hộ về sức khỏe của con người. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, nên cần phải có một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Tuy nhiên, khi quyết định mức hình phạt cho các bị cáo về tội “Gây rối trật tự công cộng”, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng những tình tiết tăng nặng đối với các bị cáo chưa đúng theo quy định của pháp luật. Tội gây rối trật tự công cộng thì khách thể bị xâm phạm là trật tự công cộng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm lại áp dụng tình tiết tăng nặng có tính chất còn do đối với các bị cáo là không đúng pháp luật. Cần nghiêm túc rút kinh nghiệm để tránh trường hợp tương tự. Mặt khác, đối với hành vi xúi giục người chưa thành niên phạm tội chỉ áp dụng đối với người đã thành niên xúi giục người chưa thành niên. Trong vụ án này, cả người xúi giục và người bị xúi giục đều là người chưa thành niên. Do đó, bị cáo P2 không bị áp dụng tình tiết tăng nặng này, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng là không phản ánh đúng bản chất của sự việc, từ đó dẫn đến quyết định mức hình phạt không tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm gây ra. Bị cáo là người chưa thành niên phạm tội, theo điều luật quy định $\frac{3}{4}$ mức hình phạt, khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố tại khoản 2 Điều 318 BLHS từ 2-7 năm tù, xử phạt bị cáo P2 3 năm tù tương đương 4 năm tù là quá nghiêm khắc.

Đối với các bị cáo Trương Hồng P, Lê Thiện T, Đoàn Minh H, Huỳnh Thanh N2, Lý Hồng P3 là người chưa thành niên phạm tội, bị rủ rê, lôi kéo. Các bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm, riêng đối với bị cáo H không trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo tham gia với vai trò giúp sức thứ yếu, bị cáo chỉ cầm hung khí đi theo giúp sức về mặt tinh thần, không trực tiếp đập phá xe của T9, nên khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét mức hình phạt của bị cáo nhẹ hơn các bị cáo khác. Sau khi phạm tội các bị cáo đã khắc phục toàn bộ hậu quả cho chị T9. Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo cũng thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải, các bị cáo trong quá trình tại ngoại có hỗ trợ cho địa phương dạy bơi cho các trẻ em, có xác nhận của chính quyền địa phương. Riêng

bị cáo Trương Hồng P có xuất trình được nhiều bằng khen của cha bị cáo trong quá trình công tác. Như vậy, trong vụ án này các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52, được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và thuộc trường hợp người chưa thành niên phạm tội theo quy định tại Điều 90, Điều 91 Bộ luật hình sự. Do đó mức hình phạt 02 năm 06 tháng tù đối với Đoàn Minh H; 02 năm tù đối với Trương Hồng P; 02 năm 06 tháng tù đối với Lê T10 Trí Thức; 02 năm 06 tháng tù đối với Lý Hồng P3, 02 năm 06 tháng tù đối với Huỳnh Thanh N2 là có phần nghiêm khắc. Xét thấy, các bị cáo Trương Hồng P, Lê Thiện T, Đoàn Minh H đều có nơi cư trú rõ ràng, trong quá trình tại ngoại, không vi phạm pháp luật, do đó, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được miễn chấp hành hình phạt có điều kiện dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương cũng đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của các bị cáo Trương Hồng P, L Trí Thức, Đoàn Minh H, giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo không có kháng cáo, nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, đảm bảo sự công bằng, bình đẳng trong vụ án có đồng phạm và đây cũng là cơ hội để các bị cáo yên tâm cải tạo và phấn đấu sửa chữa lỗi lầm.

Đối với bị cáo P2 hiện đang bị tạm giam và đang chấp hành theo bản án số 59/2023/HS-ST ngày 02/6/2023, Tòa án cấp sơ thẩm không tổng hợp hình phạt của các bản án này, nhưng lại tuyên thời hạn tù của bị cáo được tính kể từ ngày 18/3/2023 là ngày bị cáo bị tạm giam trong vụ án khác là không đúng theo quy định của pháp luật, nên cũng cần sửa cách tuyên án.

Quan điểm của Viện kiểm sát cùng cấp chỉ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Đoàn Minh H, Trương Hồng P, Lê Thiện T, không đồng ý cho các bị cáo được hưởng án treo và cũng không xem xét lại phần quyết định hình phạt cho các bị cáo không có kháng cáo, quan điểm này không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận, nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của các bị cáo Đoàn Minh H, Trương Hồng P, Lê Thiện T, xem xét lại phần quyết định về hình phạt đối với các bị cáo Lê Văn P2, Huỳnh Thanh

N2, Lý Hồng P3. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 129/2023/HS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

Tuyên bố các bị cáo Đoàn Minh H, Trương Hồng P, Lê Thiện T, Huỳnh Thanh N2, Lý Hồng P3 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”; bị cáo Lê Văn P2 phạm tội “Cố ý gây thương tích” và “Gây rối trật tự công cộng”.

1. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 90, Điều 91; Điều 101; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt:

- Bị cáo Đoàn Minh H 01 (một) năm 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là 03 (ba) năm được tính kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Bị cáo Trương Hồng P 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng được tính kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Bị cáo Lê T10 Trí Thức 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng được tính kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Đoàn Minh H cho Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, bị cáo Trương Hồng P, bị cáo Lê T10 Trí Thức cho Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

(Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo).

2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt:

- Bị cáo Huỳnh Thanh N2 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

- Bị cáo Lý Hồng P3 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

3. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b khoản 2 Điều 318; điểm d khoản 1 Điều 52 (đối với tội Cố ý gây thương tích); điểm s khoản 1, khoản 2

Điều 51; Điều 17, Điều 55; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Văn P2 03 (ba) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Hình phạt chung buộc bị cáo phải chấp hành cho cả 02 tội là: 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND thành phố L;
- Chi cục THADS thành phố L;
- Bị cáo;
- NTG – Công an thành phố L;
- Phòng KTNV và THA;
- Tòa hình sự;
- PV 06;
- Sở Tư pháp;
- Văn phòng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tấn Tài